

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

Số: 79 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH Scavi Quảng Điền số 57/ScaviQĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 68/ScaviQĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất trang phục lót và hàng thể thao Hương Trà” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4335/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Scavi Quảng Điền, địa chỉ tại Lô CC01, đường CN1, Khu công nghiệp Tứ Hạ, phường Hương Trà, thành phố Huế

được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất trang phục lót và hàng thể thao Hương Trà” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

- 1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất trang phục lót và hàng thể thao Hương Trà.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 01, mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01-2023 (được đánh số mới là 837, tờ bản đồ số 23), thuộc Cụm công nghiệp Tứ Hạ, phường Hương Trà, thành phố Huế.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 3301708715, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 01 năm 2025.
- 1.4. Mã số thuế: 3301708715.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: quần áo lót, quần áo thể thao và quần áo trẻ em.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:
 - Quy mô: tổng diện tích đất của Dự án 45.067,1m², trong đó:
 - + Đất xây dựng công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng: 18.446,8m².
 - + Đất xây dựng công trình trụ sở: 7.112,0m².
 - + Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: 1.020,5m².
 - + Đất cây xanh - mặt nước: 9.393,5m².
 - + Đất giao thông: 9.094,3m².
 - Công suất: 45 triệu sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Scavi Quảng Điền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty TNHH Scavi Quảng Điền;
- UBND phường Hương Trà;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 79/GPMT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ các hoạt động tắm, rửa tay chân.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ bồn xí, bồn tiêu.
- Nguồn số 03: nước thải từ khu nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

Nước thải của Dự án được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT), sau đó thoát ra ngoài môi trường. Do đó, tại Dự án có 01 dòng nước thải sau xử lý xả thải ra môi trường (mương thoát nước nằm tiếp giáp ranh giới phía Đông Bắc của Dự án).

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước hướng Đông Bắc Dự án, phường Hương Trà, thành phố Huế.

2.2.1. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: nằm tại vị trí tiếp giáp của hàng rào Dự án với mương thoát nước hướng Đông Bắc Dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X (m) = 1.827.359,23; Y (m) = 549.203,32.

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày (24 giờ).

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: xả cưỡng bức.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ).

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C _{max} , cột A, K=1)
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/l	50

Stt	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C_{max} , cột A, K=1)
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
4	TDS	mg/l	500
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	5
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	30
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
8	Sunfua	mg/l	1
9	Dầu mỡ	mg/l	10
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	6
11	Coliform	MPN/100 ml	3.000

* Ghi chú: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động rửa tay chân được tách rác, các tạp chất vô cơ,... sau đó dẫn về HTXLNT để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ bồn xí, bồn tiêu được dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn (tại Dự án bố trí 11 bể tự hoại) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về HTXLNT để tiếp tục xử lý.

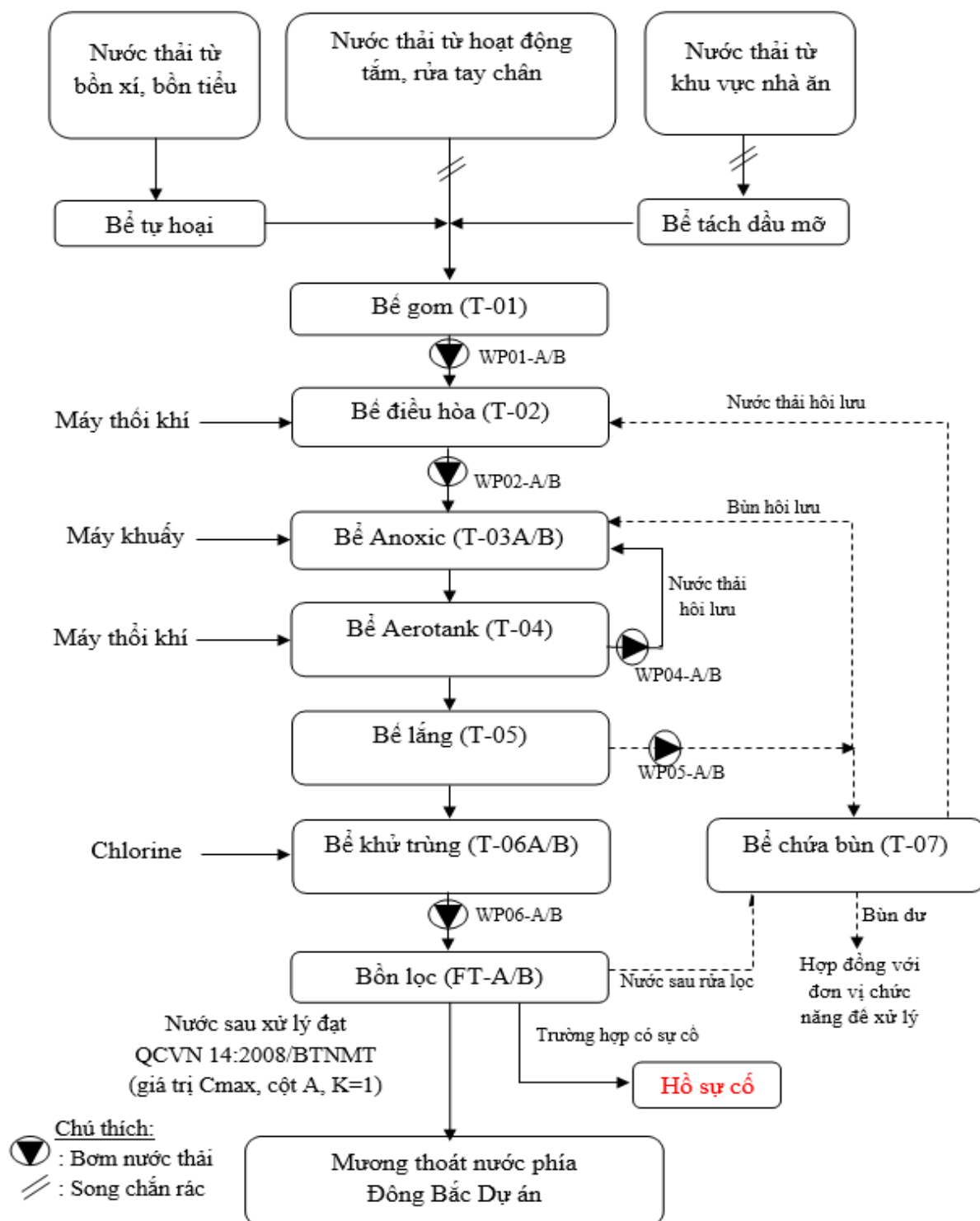
- Nước thải từ khu nhà ăn được dẫn vào bể tách dầu mỡ (kích thước 2,7x1,4 x2,1m) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về HTXLNT để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng các ống nhựa PVC (kích thước D250, D315) với tổng chiều dài khoảng 600m đưa vào HTXLNT để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Dự án xây dựng HTXLNT công suất 200 m³/ngày (24 giờ).

- Sơ đồ công nghệ của HTXLNT được trình bày tại hình sau:



- Thông số kỹ thuật các bể xử lý:

Stt	Hạng mục	Vật liệu	Kích thước (L×B×H)	Thời gian lưu nước tối thiểu (giờ)
1	Bể gom	Bê tông cốt thép (BTCT)	2,60 × 1,90 × 2,00 m	0,95
2	Bể điều hòa	BTCT	5,50 × 4,50 × 4,00 m	9,50
3	Bể Anoxic	BTCT	3,85 × 2,45 × 4,00 m	3,62

Stt	Hạng mục	Vật liệu	Kích thước (L×B×H)	Thời gian lưu nước tối thiểu (giờ)
4	Bể Aerotank	BTCT	5,50 × 5,00 × 4,00 m	10,56
5	Bể lắng	BTCT	3,00 × 3,00 × 4,00 m	3,46
6	Bể khử trùng	BTCT	3,00 × 2,25 × 4,00 m	2,59
7	Bể chứa bùn	BTCT	2,45 × 1,40 × 4,00 m	-
8	Hồ sự cố	Lót bạt HDPE	19,11 × 12,00 × 2,00 m	55,00

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Tên thiết bị	Đặt tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm thu gom	- Công suất: 02 Hp - Kiểu bơm: bơm chìm	Cái	02
2	Sọt chắn rác	- Kích thước D×R×C: 500×500×500 (mm) - Kích thước lưới: 0,3 ÷ 05 (mm) - Khung tăng cường: V3 dày 02 (mm) - Vật liệu: SUS 304	Cái	01
3	Phao đo mực nước tại bể thu gom nước	- Dạng: phao thả chìm chuyên dùng cho môi trường nước thải - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Áp lực chịu được: 01 bar - Kích thước: 106×154×54 (mm) - Vật liệu: Polypropylene	Cái	01
4	Bơm nước thải tại bể điều hòa	- Công suất: 01 Hp - Kiểu bơm: bơm chìm	Cái	02
5	Phao đo mực nước tại bể điều hòa	- Dạng: phao thả chìm chuyên dùng cho môi trường nước thải - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Áp lực chịu được: 01 bar - Kích thước: 106×154×54 (mm) - Vật liệu: Polypropylene	Cái	01
6	Hệ thống đĩa khuấy tán khí tại bể điều hòa	- Dạng: đĩa thổi khí tinh - Đường kính đĩa 09 (inch)	Cái	16
7	Máy khuấy chìm	- Công suất: 0,4 kW - Lưu lượng: Q=1,8 m ³ /min - Điện áp: 03 Pha/380V/50Hz	Cái	02
8	Máy thổi khí	- Lưu lượng: 6.23 m ³ /phút - Cột áp: 40 kPa - Vòng tua: 1.400 vòng/phút	Cái	02
9	Bơm nước thải tại bể Aerotank	- Công suất: 01 Hp - Kiểu bơm: bơm chìm	Cái	02
10	Hệ thống đĩa khuấy tán khí tại bể Aerotank	- Dạng: đĩa thổi khí tinh - Đường kính đĩa 09 (inch)	Cái	35

Stt	Tên thiết bị	Đặt tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
11	Bơm nước thải tại bể lắng	- Công suất: 01 Hp - Kiểu bơm: bơm chìm	Cái	02
12	Máng răng cưa thu nước	- Vật liệu: SUS 304 - Độ dày: 1,5 mm	Bộ	01
13	Ống lắng trung tâm	- Kích thước: DxH= 0,8x2,5 (m) - Vật liệu: SS304 dày 1,5 mm	Cái	01
14	Bơm định lượng	- Công suất: 0,25kW	Cái	01
15	Phao đo mực nước tại bể khử trùng	- Dạng: phao thả chìm chuyên dùng cho môi trường nước thải - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Áp lực chịu được: 01 bar - Kích thước: 106×154×54 (mm) - Vật liệu: Polypropylene	Cái	01
16	Bồn chứa dung dịch hóa chất	- Kiểu: bồn đứng - Thể tích: 500 lít	Cái	01
17	Bơm lọc	- Kiểu: bơm trục ngang - Công suất: 1,5kW	Cái	02
18	Thiết bị lọc	- Vật liệu: inox 304 - Độ dày vật liệu: 02 mm - Vật liệu lọc: cát sỏi lọc	Cái	02

- Hóa chất sử dụng: Chlorine với định lượng 1,78kg/lần pha tương đương 03mg/lít.

1.3. Công trình thoát nước thải

- Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, K=1).

- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống HDPE D250 dài khoảng 200m dẫn ra mương thoát nước tại vị trí tiếp giáp với hàng rào phía Đông Bắc của Dự án.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- Trong quá trình vận hành tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Nắp bể xử lý được chế tạo kín khít không cho nước mặt thấm vào và có khả năng chống lực đẩy của nước từ trong bể.

- Tổ chức đội ứng cứu tại chỗ, tập huấn thường xuyên, sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố từ HTXLNT, Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

+ Bước 1: dừng ngay hoạt động của các bơm trên HTXLNT (trừ bơm hồ thu), ngừng việc xả nước thải ra môi trường.

+ Bước 2: tiến hành tháo hết nước sạch ở hồ sự cố. Sau khi nước trong hồ cạn, tiến hành bơm nước thải chưa xử lý vào hồ để lưu giữ.

+ Bước 3: tiến hành khắc phục các sự cố của HTXLNT.

+ Bước 4: sau khi các sự cố đã được khắc phục xong và HTXLNT hoạt động bình thường trở lại, tiến hành bơm nước thải tại hồ sự cố trở lại HTXLNT để xử lý.

+ Bước 5: sau khi hồ được bơm cạn, tiến hành sử dụng nước sạch để vệ sinh hồ. Lượng nước thải phát sinh do quá trình này đưa về HTXLNT để xử lý.

Trong trường hợp quá trình khắc phục sự cố có thời gian vượt quá thời gian lưu của hồ sự cố thì Chủ dự án sẽ tạm dừng hoạt động Dự án để tránh tình trạng nước thải chưa qua xử lý xả thải gây ô nhiễm môi trường.

- Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại về môi trường trong trường hợp phát sinh các sự cố do hoạt động của Dự án gây ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: không quá 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình xử lý nước thải.

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý chất thải:

Stt	Vị trí quan trắc	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	QCVN so sánh
1	Đầu vào của HTXLNT công suất 200 m ³ /ngày.đêm	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 14:2008/B TNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị Cmax, cột A, K=1)
2	Đầu ra của HTXLNT công suất 200 m ³ /ngày.đêm		03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo)		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 79/GPMT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn phát sinh: hơi dung môi từ công đoạn ép nhãn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: Dự án có 01 dòng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải (HTXLKT) từ công đoạn ép nhãn.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0):
X (m): 1.827.148,93; Y (m): 549.268,18.

2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 6.800 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức.

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (cột C)
1	TVOC	mg/Nm ³	≤100

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ công đoạn ép nhãn được thu gom, xử lý bằng HTXLKT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Thiết kế không gian sản xuất riêng biệt cho công đoạn ép nhãn, cụ thể là lắp đặt máy móc ép nhãn trong khu vực nhà xưởng khép kín giúp kiểm soát hoàn toàn khí thải và bụi phát sinh, tránh phát tán ra môi trường xung quanh.

- Sử dụng mực thân thiện với môi trường, có hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi thấp nhằm giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình sử dụng.

- Trang bị thiết bị pha mực kín, hạn chế tối đa sự thất thoát dung môi và giảm phát tán mùi khó chịu ra khu vực xung quanh.

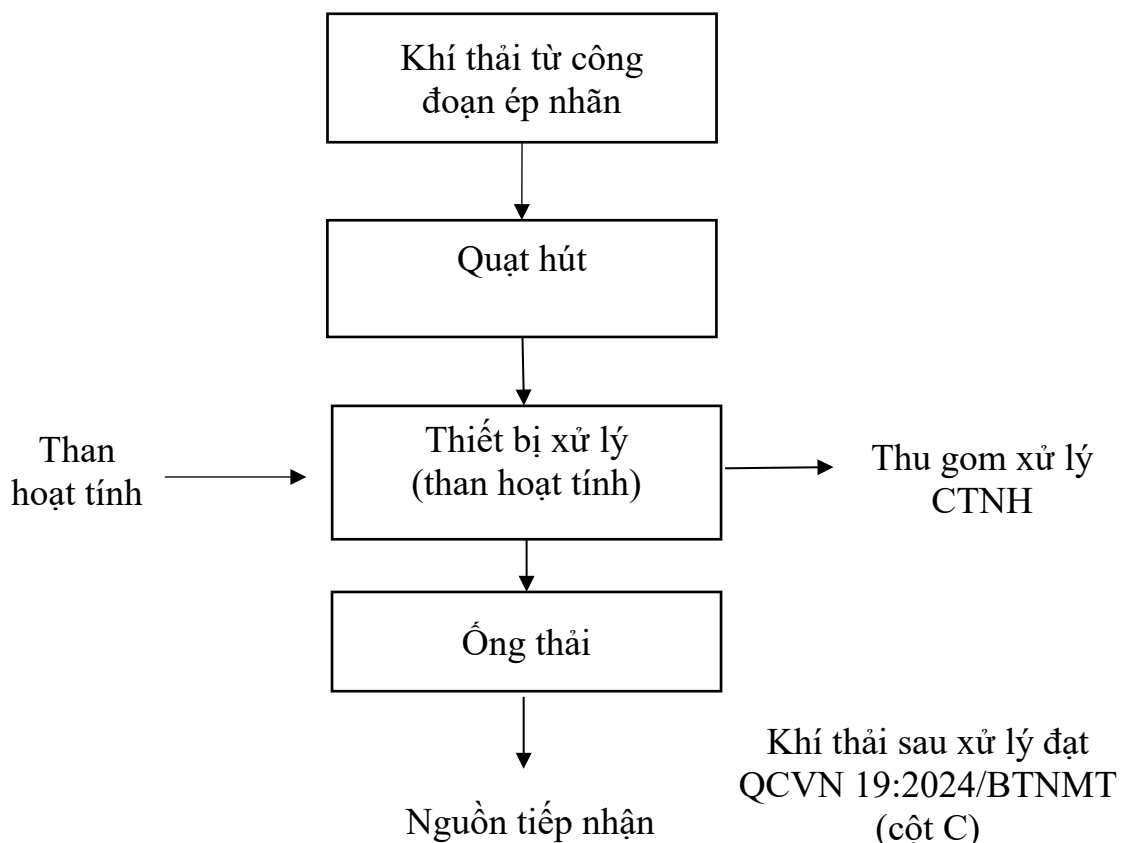
- Lắp đặt hệ thống thông gió tổng và hệ thống cấp - hút khí tươi để tăng cường lưu thông không khí, duy trì môi trường làm việc an toàn cho công nhân.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân cho người lao động tại các khu vực ép nhãn và pha mực, bao gồm khẩu trang chống hơi dung môi, găng tay chống hóa chất và kính bảo hộ.

- Bố trí hệ thống chụp hút cục bộ tại các điểm phát sinh khí thải nhằm thu gom ngay tại nguồn.

Toàn bộ hơi dung môi được thu gom từ các chụp hút và dẫn về HTXLKT công đoạn ép nhãn.

- Sơ đồ công nghệ của HTXLKT khí thải như sau:



- Thông số kỹ thuật của HTXLKT:

+ Quạt hút với công suất: 300 PA.

+ Lưu lượng: 6.800m³/giờ.

- + Ống khói: cao 10m.
- + Than hoạt tính dạng tổ ong được lắp đặt trong đường ống thu gom.
- Khối lượng than hoạt tính sử dụng: 12,6kg/lần.

1.3. Thoát khí thải

- Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C) sẽ thải tại điểm giao giữa ống thải và môi trường không khí.

1.4. Sự cố tại hệ thống xử lý khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố.
- Bố trí công nhân kiểm tra hệ thống nồi hơi, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc.
- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nồi hơi, đường ống dẫn khí theo định kỳ.
- Có công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu,...
- Khi có sự cố về HTXLKT, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải: không quá 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình xử lý khí thải.
- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý khí thải như sau:
 - + Thông số quan trắc: lưu lượng, TVOC.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C).
 - + Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 79 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào Dự án; hoạt động sản xuất, khu vực máy phát điện dự phòng, khu vực HTXLNT.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°) như sau:

Mốc	Tọa độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°)	
	X (m)	Y (m)
I	Khu vực Dự án	
M1	1.827.307,00	549.103,38
M2	1.827.372,89	549.171,51
M3	1.827.327,14	549.215,75
M4	1.827.290,76	549.250,94
M5	1.827.243,92	549.296,24
M6	1.827.196,89	549.341,72
M7	1.827.157,28	549.380,03
M8	1.827.146,60	549.379,29
M9	1.827.118,69	549.343,66
M10	1.827.086,61	549.302,69
M11	1.827.170,35	549.237,11
M12	1.827.137,58	549.195,27
M13	1.827.210,51	549.124,75
M14	1.827.159,59	549.072,10
M15	1.827.307,00	549.103,38
M16	1.827.372,89	549.072,10
II	Khu vực nhà xưởng (tọa độ trung tâm)	
-	1.827.325,91	549.185,25
III	Khu vực máy phát điện (tọa độ trung tâm)	

Mốc	Toạ độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°)	
	X (m)	Y (m)
-	1.827.162,75	549.212,61
IV	Khu vực HTXLNT (tọa độ trung tâm)	
-	1.827.228,50	549.065,39

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.
- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy hoạt động cùng một lúc để giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn.
- Bố trí phương tiện giao thông ra vào Dự án hợp lý, tránh trường hợp nhiều phương tiện ra vào cùng thời điểm gây ách tắc giao thông dẫn đến mức ồn gia tăng.

- Hạn chế sử dụng còi xe đối với các xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và các loại xe ô tô ra vào Dự án.

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh trong khuôn viên để giảm thiểu khả năng phát tán tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 79 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Trong quá trình hoạt động, Dự án có thể phát sinh các loại chất thải nguy hại (CTNH) với chủng loại và khối lượng ước tính như sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	3	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	3	16 01 12
3	Mực in thải	Lỏng	26,25	08 02 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5	17 02 03
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	25	18 02 01
6	Hộp chứa mực in	Rắn	175	08 02 04
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	30	18 01 01
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	50	18 01 03
Tổng cộng		-	317,25	-

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh

1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH): khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 674,1 kg/ngày.

1.2.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

- Khối lượng phát sinh được tổng hợp tại bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTRTT
1	Chất thải từ nguyên liệu composit (vải vụn, chỉ,...)	Rắn	15.000	10 02 05
	Chất thải từ nguyên liệu Composit (Dây, nhãn vải, móc nhựa, dụng cụ bằng vải,...)		15.000	

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTRTT
2	Bao bì nhựa thải	Rắn	700	18 01 06
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	12.000	18 01 05
4	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	1.183	12 06 13
5	Hỗn hợp dầu mỡ và chất béo từ quá trình phân tích dầu/nước	Bùn	500	12 06 11
Tổng cộng			44.383	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa CTNH (diện tích 12,5 m²) nằm trong kho chứa rác tại khu vực phía Tây Dự án. Kho có mái che, nền tráng xi măng chống thấm. Bố trí 08 thùng chứa CTNH, chất liệu bằng nhựa HDPE (thể tích 120 lít/thùng) để lưu giữ CTNH.

- CTNH được phân loại và bỏ theo từng thùng có dán nhãn cảnh báo, trên đó có ghi tên, loại, ký hiệu CTNH; các thùng chứa đáp ứng yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTNH của Dự án theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Chủ dự án thực hiện phân loại rác tại nguồn theo 04 nhóm theo đúng quy định: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực phẩm; nhóm chất thải nguy hại (pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử hỏng, các loại chất thải nguy hại khác); nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và các chết động vật nuôi). Trong đó nhóm CTNH (pin, ắc quy, thiết bị điện tử hỏng, các loại chất thải nguy hại khác) được đưa về thu gom và lưu chứa chung với các loại CTNH khác tại kho CTNH.

- Tại nhà ăn, văn phòng, nhà xưởng, tuyến đường nội bộ bố trí 06 bộ thùng rác 03 màu, chất liệu bằng nhựa HDPE (thể tích 60 lít/thùng) để thu gom CTRSH tại nguồn.

- Bố trí khu vực tập kết CTRSH (diện tích 30 m²) nằm phía Tây Dự án, tại đây bố trí 03 thùng chứa, chất liệu bằng nhựa HDPE (thể tích 120 lít/thùng) để lưu giữ CTRSH.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ CTRSH của Dự án theo quy định.

b. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

- Bố trí khu vực chứa CTRCNTT (diện tích 70 m²) được đặt tại kho chứa rác ở phía Tây Dự án. Khu vực lưu giữ CTR sản xuất có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với hỗn hợp dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý khi bể tách dầu mỡ đầy đảm bảo khả năng lưu chứa của bể.

- Đối với bùn thải từ HTXLNT hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý khi bể chứa bùn đầy đảm bảo khả năng lưu chứa của bể.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC): hệ thống báo cháy tự động, thiết bị cứu hỏa, bố trí họng nước hợp lý, các tiêu lệnh lắp đặt ở các vị trí giao thông thuận tiện, dễ nhìn, dễ lấy và dễ sử dụng khi có hỏa hoạn xảy ra.

- + Đầu báo cháy nhiệt và khói lắp tại các vị trí bảo vệ văn phòng, sảnh.

- + Hộp nút ấn báo cháy lắp đặt tại các khu vực hành lang, cửa ra vào tất cả các tầng.

- + Chuông đèn báo cháy lắp đặt tại khu vực hành lang, cửa ra vào tất cả các tầng.

- Phối hợp với Cảnh sát PCCC thành phố Huế xây dựng phương án PCCC cho công trình trước khi đi vào hoạt động.

- Bố trí bể nước dự phòng và dùng bơm cao áp bơm nước từ bể chứa nước của Dự án đến các họng cứu hỏa nhằm phục vụ công tác PCCC khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra.

- Tổ chức tập duyệt về các phương pháp ứng cứu khi cháy nổ xảy ra.

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống điện đúng quy chuẩn an toàn về điện.

- Thường xuyên nhắc nhở kiểm tra đề phòng sự cố xảy ra về hỏa hoạn cũng như sự cố về điện.

- Thành lập tổ PCCC và định kỳ tập huấn PCCC cho nhân viên Dự án.

- Có nhân viên hướng dẫn sử dụng các cửa thoát nạn, các thang bộ đủ tiêu chuẩn cho việc di chuyển thoát nạn và PCCC.

*** Phương án phòng cháy chữa cháy**

- Khi có cháy nổ do vật liệu trong Dự án, sự cố chập điện, nhân viên vận hành có nhiệm vụ điện thoại cho lực lượng cứu hỏa địa phương (cảnh sát PCCC của thành phố và khu vực) để xe cứu hỏa và lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tới hỗ trợ chữa cháy.

- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho đơn vị vận hành và thực hiện phương án chữa cháy tại chỗ cho đội PCCC ở Dự án.

- Quản lý và duy trì hoạt động thường xuyên của đội PCCC Dự án tại Dự án.

- Luôn kiểm tra an toàn hệ thống báo cháy và thiết bị chữa cháy trong Dự án.

- Sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ như: bình CO₂, nước cứu hỏa, hệ thống điều khiển chữa cháy trung tâm,...

- Hướng dẫn thực hiện chữa cháy địa phương (theo sơ đồ cứu hỏa) thực hiện cứu hỏa có hiệu quả, nhanh chóng.

- Có nhân viên hướng dẫn sử dụng các cửa thoát nạn, các thang bộ (đối với khu biệt thự) đủ tiêu chuẩn cho việc di chuyển thoát nạn và PCCC.

2. Sự cố tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực sản xuất.

- Yêu cầu công nhân thực hiện nghiêm túc các nội quy lao động, nội quy về trang bị bảo hộ lao động.

- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các nội quy lao động.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ dự án sẽ tiến hành sơ cứu sau đó di chuyển đến trạm y tế gần nhất.

3. Sự cố tai nạn giao thông

- Quy định thời gian vận chuyển hợp lý đối với các phương tiện để tránh ùn tắc vào giờ cao điểm nhất là giờ tan ca của Dự án và các Nhà máy lân cận.

- Quy định giới hạn tốc độ các phương tiện khi ra vào Dự án.

- Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào Dự án hợp lý, tránh trường hợp ra vào cùng một thời điểm gây ách tắc giao thông.

- Lắp đặt các biển báo tại khu vực ra vào Dự án.

- Tuyên truyền cho công nhân ý thức bảo đảm an toàn giao thông khi lưu thông.

4. Sự cố gió, bão

- Tăng cường công tác giám sát, theo dõi công trình khi có dự báo bão hoặc áp thấp nhiệt đới.
- Theo dõi thường xuyên thông tin dự báo thời tiết và thông báo đến từng cán bộ công nhân để có kế hoạch ứng phó kịp thời.
- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống và ứng phó kịp thời trong mùa mưa bão, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.
- Bố trí công nhân trực ngày và đêm nhằm phát hiện và khắc phục sớm những sự cố có thể xảy ra do thiên tai.
- Cắt tỉa cành cây trước mùa mưa bão. Dùng dây gia cố các cây lớn trong khuôn viên Dự án để giảm thiểu khả năng bị gãy đổ dưới tác động của gió trong bão, áp thấp nhiệt đới.

5. Sự cố sét

- Hệ thống chống sét được lắp đặt theo tiêu chuẩn TCXD 9385:2012 - Chống sét cho Công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống, đảm bảo che phủ toàn bộ các nhà, thiết bị. Hệ thống chống sét được trang bị các kim thu sét hoặc các bộ thu sét kiểu phóng điện ion.
- Hệ thống dây dẫn sét được cố định mặt ngoài tường các hạng mục và được nối với hệ thống tiếp đất chống sét qua mối nối kiểm tra. Các mối nối kiểm tra được bố trí cách mặt đất 0,8m để tiện lợi cho việc kiểm tra trị số điện trở nối đất.
- Toàn bộ hệ thống chống sét và tiếp địa chống sét được liên kết với nhau thành mạch kín, bảo đảm độ dẫn điện liên tục. Các mối hàn đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, các mối nối kiểm tra dùng các bản thép mạ kẽm nhúng nóng có độ dày lớn hơn hoặc bằng 6cm và được liên kết với nhau bằng các bulông, đai ốc đệm.

6. Sự cố về bệnh nghề nghiệp

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.
- Quy định thời gian nghỉ ngơi cho công nhân, yêu cầu công nhân không làm việc liên tục trong thời gian dài.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

7. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và phát sinh dịch bệnh

- Lựa chọn nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc rõ ràng, kiểm tra chặt chẽ. Tuyệt đối không sử dụng các loại nguyên liệu có màu sắc lạ, ương, thối.

- Sử dụng găng tay trong quá trình chế biến thức ăn.

- Tổ chức ăn uống hợp vệ sinh và được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên.

- Sử dụng màn lưới để hạn chế các tác nhân (ruồi, bọ,...) có thể làm ôi/hỏng thức ăn.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị làm lạnh, duy trì nhiệt độ trong việc bảo quản nguyên liệu và thành phẩm.

- Vệ sinh khu vực bếp, nhà hàng hằng ngày, thu gom chất thải đúng nơi quy định.

- Người trực tiếp chế biến được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

- Tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, các bệnh truyền nhiễm, khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên.

8. Sự cố nồi hơi

* Nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng:

- Tiến hành cắt chuông báo.

- Kiểm tra ống thủy xem ống thủy có bị chảy nước không, sau đó tiến hành “Gọi nước” theo quy trình sau:

+ Đóng van hơi ống thủy.

+ Mở van xả đáy ống thủy để thông rửa đường nước.

+ Đóng van xả ống thủy, mở lại van đường hơi.

+ Nếu thấy nước lấp ló ở mặt đáy ống thủy là còn có khả năng cung cấp nước cho nồi hơi.

* Nồi đầy nước nghiêm trọng:

- Tiến hành cắt chuông báo.

- Thông rửa ống thủy theo quy trình vận hành hoặc kiểm tra bằng cách sau đây:

+ Đóng van nước của ống thủy.

+ Mở van xả ống thủy, xả hết nước trong ống thủy rồi đóng lại, mở lại van đường nước.

* Xì hơi ở các bộ phận chịu áp lực:

- Nếu các van, bích xì hơi nhẹ thì chú ý theo dõi đến kỳ sửa chữa gần nhất thay thế và sửa chữa. Nếu xì to thì hạ áp suất xuống $P = 0 \text{ kG/cm}^2$.

- Nếu xì hở các bộ phận áp lực thì phải ngừng nồi sự cố để khắc phục.

* Hồng ống thủy và áp kế:

- Nếu hồng nặng ống thủy, áp kế không có cái thay thì cho dừng nồi bình thường.

- Nếu áp kế bị vỡ tung mặt kính ra. Kim áp kế bị rung động nhiều, biến động rung động lớn hơn $0,5 \text{ kG/cm}^2$, chỉ không chính xác hoặc trở về “0” khi không có áp suất thì phải thay mới. Trình tự thao tác như sau:

+ Vặn van ba ngã xả nước đọng trong áp kế ra.

+ Khóa hơi ra áp kế thay cái mới vào.

+ Hé mở van ba ngã sấy áp kế 05 phút, mở van ba ngã hết để cho áp kế làm việc trở lại.

+ Gioăng tết xì hở mạch thì phải thay gioăng tết mới.

+ Kính mờ hoặc nứt nhẹ thì đến kỳ tu sửa gần nhất sẽ thay thế.

+ Siết lại các rắc co của ống thủy cho đều tay, nếu kính bị vỡ thì phải ngừng nồi thay kính hoặc ống thủy mới.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 79 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH Scavi Quảng Điền chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.